PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 67/2011/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quy chế làm việc của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định số 179/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2012; thay thế Quyết định số 28/2005/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ
QUẢN LÝ THỐNG NHẤT CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc quản lý, thẩm quyền quyết định và trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân tỉnh) nhằm tăng cường quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại.

Điều 2. Nội dung của hoạt động đối ngoại

Hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trong Quy chế này bao gồm:

1. Các hoạt động hợp tác, giao lưu với nước ngoài về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

2. Tổ chức và quản lý các đoàn đi công tác nước ngoài (đoàn ra) và đón tiếp các đoàn nước ngoài vào Việt Nam (đoàn vào).

3. Tiếp nhận các hình thức khen thưởng của Nhà nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng.

4. Kiến nghị tặng, xét tặng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, cấp tỉnh cho những tập thể, cá nhân người nước ngoài đã và đang làm việc tại địa phương có thành tích xuất sắc được địa phương công nhận.

5. Tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế.

6. Ký kết và thực hiện các thỏa thuận quốc tế.

7. Hoạt động đối ngoại liên quan đến công tác quản lý biên giới lãnh thổ quốc gia.

8. Quản lý hoạt động của các tổ chức, cá nhân nước ngoài ở địa phương.

9. Công tác ngoại giao kinh tế; công tác quản lý, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

10. Công tác văn hóa đối ngoại.

11. Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

12. Thông tin tuyên truyền đối ngoại và quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài tại địa phương.

13. Theo dõi, tổng hợp thông tin về tình hình quốc tế và khu vực có tác động đến địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bảo đảm tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước trong hoạt động đối ngoại.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với hoạt động đối ngoại địa phương, sự phối hợp nhịp nhàng giữa Trung ương và địa phương.

3. Phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân; giữa chính trị đối ngoại, kinh tế đối ngoại, văn hóa đối ngoại và công tác người Việt Nam ở nước ngoài; giữa hoạt động đối ngoại và hoạt động quốc phòng, an ninh; giữa thông tin đối ngoại và thông tin trong nước.

4. Hoạt động đối ngoại được thực hiện theo chương trình hàng năm đã được duyệt; bảo đảm nghiêm túc chế độ báo cáo, xin ý kiến theo quy định hiện hành.

5. Phân công, phân nhiệm rõ ràng, đề cao trách nhiệm và vai trò chủ động của cơ quan các cấp ở địa phương trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ đối ngoại theo quy định; bảo đảm sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động đối ngoại.

Chương II
THẨM QUYỀN VÀ VIỆC TRÌNH DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Điều 4. Các nội dung, hoạt động đối ngoại hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh cần trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, bao gồm:

1. Việc đi công tác nước ngoài của các đồng chí là Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng công tác tại các cơ quan thuộc chính quyền địa phương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh (trừ trường hợp những đồng chí này kiêm giữ chức Bí thư tỉnh ủy, thành ủy theo quy định riêng của Bộ Chính trị).

2. Việc mời và đón tiếp các đoàn cấp Bộ trưởng, Tỉnh trưởng hoặc tương đương trở lên của các nước, các vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế thăm tỉnh theo lời mời của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân tỉnh (trừ đoàn cấp Tỉnh trưởng của các địa phương có quan hệ hợp tác, hữu nghị truyền thống với tỉnh).

3. Việc nhận Huân chương, Huy chương, các danh hiệu, hình thức khen thưởng khác của nước ngoài trao tặng các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng công tác tại các cơ quan thuộc chính quyền địa phương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh (trừ trường hợp những đồng chí này kiêm giữ chức Bí thư tỉnh ủy, thành ủy theo quy định riêng của Bộ Chính trị).

4. Kiến nghị xét tặng Huân chương, Huy chương, các danh hiệu, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể, cá nhân nước ngoài đã và đang làm việc tại địa phương theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các quy định của pháp luật hiện hành.

5. Kế hoạch tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và chịu trách nhiệm về các hoạt động đối ngoại của địa phương bao gồm:

1. Việc đi công tác nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh, cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh đã nghỉ hưu (trừ trường hợp các đồng chí nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân, nguyên Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định riêng của Bộ Chính trị).

2. Việc mời các đoàn cấp Tỉnh trưởng của các địa phương có quan hệ hợp tác, hữu nghị truyền thống; các đoàn cấp Thứ trưởng, Phó tỉnh trưởng hoặc tương đương trở xuống của các nước, các vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế vào thăm và làm việc với tỉnh.

3. Việc nhận các danh hiệu, hình thức khen thưởng của tổ chức, cá nhân nước ngoài trao tặng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước của tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Việc xét tặng các danh hiệu khen thưởng cấp tỉnh cho tổ chức, cá nhân nước ngoài đã và đang làm việc tại địa phương theo Luật Thi đua, Khen thưởng và các quy định của pháp luật hiện hành.

5. Việc tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế; ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế và các hoạt động đối ngoại khác thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 6. Xây dựng và trình duyệt Chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm

1. Quý IV hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động xây dựng hồ sơ Chương trình hoạt động đối ngoại năm sau:

a) Hồ sơ Chương trình hoạt động đối ngoại bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hoạt động đối ngoại trong năm, Chương trình hoạt động đối ngoại năm sau, Bảng tổng hợp kế hoạch đoàn ra, Bảng tổng hợp kế hoạch đoàn vào (theo mẫu 1, mẫu 2 kèm theo);

b) Nội dung Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hoạt động đối ngoại trong năm và Chương trình hoạt động đối ngoại năm sau được xây dựng căn cứ theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này;

c) Đối với các vấn đề phức tạp, nhạy cảm, Ủy ban nhân dân tỉnh tham khảo ý kiến của Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan trước khi đưa vào Chương trình hoạt động đối ngoại.

2. Trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi hồ sơ Chương trình hoạt động đối ngoại năm sau cho Bộ Ngoại giao để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xét duyệt.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên rà soát việc thực hiện Chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm đã được phê duyệt; khi cần bổ sung, điều chỉnh, sửa đổi hoặc hủy bỏ các hoạt động trong Chương trình, Ủy ban nhân dân tỉnh trao đổi ý kiến với Bộ Ngoại giao và trình Thủ tướng Chính phủ (theo mẫu 3 kèm theo) phê duyệt trước khi thực hiện ít nhất 15 ngày làm việc.

Chương III
THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Điều 7. Thực hiện Chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm

1. Chủ động chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm.

2. Khi triển khai các hoạt động đối ngoại trong Chương trình, yêu cầu các cơ quan chuyên môn xây dựng đề án triển khai thực hiện (theo mẫu 4 kèm theo) trình Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện.

3. Đối với những hoạt động đối ngoại phát sinh ngoài Chương trình đã được phê duyệt và chưa kịp trình bổ sung Thủ tướng Chính phủ đúng kỳ hạn nhưng không có tính chất phức tạp, nhạy cảm, Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động giải quyết và kịp thời thông báo cho Bộ Ngoại giao; báo cáo Thủ tướng Chính phủ ngay sau khi kết thúc hoạt động.

Điều 8. Tổ chức và quản lý đoàn đi công tác nước ngoài, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm

1. Theo dõi, quản lý việc đi nước ngoài đối với các cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối với các đoàn đi nước ngoài từ cấp Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh trở lên, phải thông báo cho cơ quan đại diện Việt Nam ở địa bàn nơi đoàn đến hoạt động trước ít nhất 7 ngày làm việc về nội dung, chương trình hoạt động tại quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế tiếp nhận; đồng gửi thông báo cho Bộ Ngoại giao.

3. Hướng dẫn các đoàn đi công tác chủ động liên hệ, tham khảo trước ý kiến của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan liên quan; kịp thời phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan xử lý những vấn đề phức tạp, nhạy cảm phát sinh; thông báo kết quả cho Bộ Ngoại giao sau khi kết thúc đợt công tác.

Điều 9. Tổ chức đón tiếp và quản lý các đoàn nước ngoài đến thăm địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm

1. Xây dựng kế hoạch cụ thể và phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan trong việc đón tiếp các đoàn nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 4.

2. Chủ động triển khai kế hoạch đón tiếp các đoàn nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 5.

Điều 10. Hoạt động liên quan đến công tác quản lý biên giới lãnh thổ quốc gia

Ủy ban nhân dân tỉnh có đường biên giới lãnh thổ quốc gia có trách nhiệm nghiên cứu, tổng hợp, đánh giá tình hình quản lý biên giới, biển đảo và trực tiếp phối hợp với Bộ Ngoại giao (Ủy ban Biên giới quốc gia) và các cơ quan liên quan trong mọi hoạt động về biên giới lãnh thổ quốc gia theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 11. Quản lý hoạt động của các tổ chức, cá nhân nước ngoài, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm

1. Hỗ trợ và hướng dẫn việc tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam; chủ động phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xử lý các vụ việc phát sinh liên quan đến người nước ngoài; thực hiện quản lý hoạt động của các tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Phối hợp với Bộ Ngoại giao giải quyết các vấn đề phát sinh đối với các cơ quan lãnh sự nước ngoài hoặc văn phòng đại diện của tổ chức quốc tế được hưởng chế độ ưu đãi, miễn trừ do Bộ Ngoại giao quản lý.

Điều 12. Trong công tác ngoại giao kinh tế và công tác quản lý, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm

1. Chủ động xây dựng môi trường phát triển kinh tế, thương mại, đầu tư phù hợp với đặc điểm của địa phương, bảo đảm tính liên ngành, liên vùng và tối ưu hóa lợi thế quốc gia.

2. Phối hợp với Bộ Ngoại giao, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan liên quan đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế và nâng cao năng lực hội nhập kinh tế quốc tế; chủ động đưa nội dung kinh tế vào các hoạt động đối ngoại; trực tiếp tham gia công tác xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch.

3. Tiến hành vận động, tiếp nhận và quản lý các dự án viện trợ của tổ chức phi chính phủ và cá nhân nước ngoài theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 13. Công tác văn hóa đối ngoại

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm triển khai các hoạt động văn hóa đối ngoại của địa phương; xây dựng và chỉ đạo thực hiện các kế hoạch hàng năm và dài hạn phù hợp với chiến lược ngoại giao văn hóa của Nhà nước và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng thời kỳ.

Điều 14. Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc nghiên cứu, đánh giá công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài của địa phương, phối hợp với Bộ Ngoại giao (Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài) đề xuất và xây dựng chính sách về công tác này; trực tiếp tham gia việc hỗ trợ, hướng dẫn, thông tin, tuyên truyền, vận động và thực hiện chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài có quan hệ với địa phương.

Điều 15. Tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế theo Quyết định số 76/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối với các hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài phát sinh đột xuất chưa kịp lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, cơ quan liên quan nhưng không có tính chất phức tạp, nhạy cảm, Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động quyết định thực hiện và báo cáo Bộ Ngoại giao sau khi kết thúc hoạt động.

Điều 16. Ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm

1. Tiến hành việc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế theo Pháp lệnh số 33/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chủ động nghiên cứu, lựa chọn đối tác phù hợp để thiết lập các quan hệ hữu nghị, hợp tác cấp địa phương; phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao để được hướng dẫn quy trình, thủ tục ký kết và nội dung văn bản hợp tác; thông tin thường xuyên cho Bộ Ngoại giao để kịp thời hỗ trợ, đôn đốc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết.

Điều 17. Trong công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm

1. Cung cấp kịp thời cho Bộ Ngoại giao thông tin về những vấn đề của địa phương để phục vụ trả lời phỏng vấn của lãnh đạo cấp cao và họp báo quốc tế.

2. Phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan trong việc đón tiếp và quản lý các hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài tại địa phương, thực hiện quản lý nhà nước về thông tin tuyên truyền đối ngoại theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 18. Giao dịch với đoàn ngoại giao tại Việt Nam

Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động tiến hành các hoạt động tiếp xúc, trao đổi thư tín ngoại giao với các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài và đại diện tổ chức quốc tế tại Việt Nam trong thực hiện công tác đối ngoại; trường hợp phát sinh vấn đề phức tạp, nhạy cảm, cần thông báo cho Bộ Ngoại giao để được hướng dẫn cụ thể.

Điều 19. Theo dõi, tổng hợp tình hình quốc tế và khu vực

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan ngoại vụ và các cơ quan chuyên môn khác của địa phương chủ động theo dõi, phân tích, tổng hợp thông tin về tình hình chính trị, an ninh, kinh tế quốc tế và khu vực có tác động đến địa phương, kịp thời báo cáo và đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương và giải pháp cần thiết.

Điều 20. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Đối với các vấn đề phức tạp, nhạy cảm liên quan đến chủ quyền, an ninh quốc gia, dân tộc, nhân quyền, tôn giáo, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ và kịp thời với Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan để giải quyết.

2. Trong phạm vi 10 ngày làm việc sau khi kết thúc một hoạt động đối ngoại quy định tại Điều 4, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan về kết quả thực hiện và đề xuất chủ trương, giải pháp đối với những vấn đề phát sinh, nêu rõ kế hoạch thực hiện các thỏa thuận với đối tác nước ngoài (nếu có).

3. Định kỳ 6 tháng, hàng năm và trường hợp đột xuất, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi Bộ Ngoại giao báo cáo kết quả công tác đối ngoại để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Báo cáo kết quả công tác đối ngoại hàng năm (theo mẫu 5 kèm theo) và hồ sơ Chương trình hoạt động đối ngoại năm sau gửi Bộ Ngoại giao trước ngày 30 tháng 11.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra và đôn đốc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm:

a) Căn cứ vào Quy chế này, xây dựng quy định cụ thể về tổ chức thực hiện quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại tại địa phương, lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao trước khi ban hành;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch cán bộ, công chức làm công tác đối ngoại; phối hợp với Bộ Ngoại giao bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ đối ngoại và ngoại ngữ cho đội ngũ làm công tác đối ngoại của địa phương./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

Mẫu 1: Bảng tổng hợp kế hoạch đoàn ra trong năm.....

Mẫu 2: Bảng tổng hợp kế hoạch đoàn vào trong năm.....

Mẫu 3: Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Chương trình hoạt động đối ngoại năm.....

Mẫu 4: Đề án thực hiện hoạt động đối ngoại.

Mẫu 5: Báo cáo kết quả công tác đối ngoại địa phương năm.....

Tên cơ quan/tổ chức/tỉnh/thành phố…… **Mẫu 1**

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐOÀN RA NĂM……

STT	Danh nghĩa Đoàn và tính chất hoạt động	Đến nước	Cấp Trưởng đoàn	Nội dung hoạt động và đối tác	Số thành viên Đoàn	Số ngày	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Ghi chú:

1. Danh nghĩa Đoàn và tính chất hoạt động: thăm chính thức, thăm làm việc; nghiên cứu, khảo sát thực tế ở nước ngoài phục vụ nhu cầu công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; thực hiện chương trình, đề tài, dự án khoa học…

2. Đến nước: nước đến công tác theo lộ trình.

3. Cấp Trưởng đoàn: Chức vụ Trưởng đoàn dự kiến.

4. Nội dung hoạt động và đối tác: những nội dung làm việc chính; đối tác chủ yếu sẽ làm việc…

5. Số thành viên Đoàn: ghi rõ số lượng thành viên tham gia Đoàn dự kiến.

6. Số ngày: tổng số ngày ở nước ngoài, kể cả thời gian đi - về và quá cảnh.

7. Thời gian thực hiện: ghi cụ thể đến tháng.

8. Nguồn kinh phí: ghi rõ kinh phí triển khai lấy từ nguồn nào (Trung ương chi; cơ quan, tổ chức, địa phương chi; nước ngoài đài thọ; tài trợ của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước…).

Tên cơ quan/tổ chức/tỉnh/thành phố…… **Mẫu 2**

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐOÀN VÀO NĂM……

STT	Danh nghĩa Đoàn và tính chất hoạt động	Cơ quan, tổ chức, nước cử Đoàn	Cấp Trưởng đoàn	Cơ quan, tổ chức, chủ trì đón Đoàn, nội dung hoạt động chính	Số thành viên Đoàn	Số ngày	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí đón Đoàn
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Ghi chú:

1. Danh nghĩa Đoàn và tính chất hoạt động: thăm chính thức, thăm làm việc; nghiên cứu, khảo sát thực tế; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; thực hiện chương trình, đề tài, dự án khoa học…

2. Đến từ nước: ghi rõ tên cơ quan, tổ chức, nước cử Đoàn. Trường hợp đoàn vào thuộc tổ chức quốc tế thì ghi rõ nước đặt trụ sở.

3. Cấp Trưởng đoàn: chức vụ Trưởng đoàn dự kiến.

4. Cơ quan, tổ chức chủ trì đón Đoàn; nội dung hoạt động chính: tên cơ quan, tổ chức Việt Nam chủ trì đón Đoàn. Những nội dung hoạt động chính của Đoàn trong thời gian ở Việt Nam.

5. Số thành viên Đoàn: ghi rõ số lượng thành viên Đoàn dự kiến.

6. Số ngày: tổng số ngày ở Việt Nam.

7. Thời gian thực hiện: ghi cụ thể đến tháng.

8. Nguồn kinh phí: ghi rõ kinh phí đón Đoàn lấy từ nguồn nào (Trung ương chi; cơ quan, tổ chức, địa phương chi; nước ngoài đài thọ; tài trợ của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước…).

Mẫu 3

Tên cơ quan/tổ chức/tỉnh/thành phố *Địa điểm, ngày..... tháng.... năm.....*

Kính gửi:.....

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm[1]

1. Tên hoạt động phát sinh
2. Lý do phát sinh hoạt động
3. Mục đích
4. Quy mô
5. Thời gian
6. Thành phần tham gia: *(nêu rõ thông tin về đối tác nước ngoài)*
7. Kế hoạch triển khai
8. Kinh phí.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu:

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM
(Ký tên, đóng dấu)

---

[1] *Cần gửi kèm theo ý kiến bằng văn bản của các cơ quan nhà nước có liên quan.*

Mẫu 4

Tên cơ quan, đơn vị tổ chức *Địa điểm, ngày.....tháng.....năm.....*

Kính gửi:.....

ĐỀ ÁN
Thực hiện hoạt động đối ngoại

1. Bối cảnh
2. Danh nghĩa
3. Mục đích
4. Yêu cầu
5. Nội dung hoạt động
6. Thành phần tham gia
7. Mức độ tiếp xúc (đối với đoàn ra)
8. Mức độ đón tiếp (đối với đoàn vào)
9. Kiến nghị nội dung phát biểu của Trưởng đoàn
10. Nội dung các văn kiện và thỏa thuận hợp tác (nếu có)
11. Mức độ và yêu cầu về thông tin tuyên truyền
12. Chế độ ăn nghỉ
13. Phương tiện đi lại
14. Tặng phẩm, kinh phí.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu:

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
CHỊU TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN
HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 5

Tên cơ quan/tổ chức/tỉnh/thành phố *Địa điểm, ngày.... tháng..... năm...*

Kính gửi:.....

BÁO CÁO
Kết quả công tác đối ngoại địa phương năm...

I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI TOÀN DIỆN CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI TRONG NĂM

1. Việc thực hiện quy chế quản lý thống nhất đối ngoại tại địa phương

2. Hiệu quả của các hoạt động đã triển khai

- Mặt được
- Mặt hạn chế
- Khó khăn
- Nguyên nhân
- Các vấn đề đặt ra

II. PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI NĂM SAU

1. Bối cảnh
2. Các trọng tâm công tác
3. Các điều kiện đảm bảo
4. Các đề xuất, kiến nghị
5. Biện pháp, giải pháp thực hiện

Như trên:
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu:

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
CHỊU TRÁCH NHIỆM BÁO CÁO
(Ký tên, đóng dấu)